



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03593/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH

Ngày lấy mẫu : 08/05/2024

Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM

Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : NT1: Nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải
Công suất 2000m³

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				24.1442.NT1
1	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	289
2	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	9,49
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1.235
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	2.939
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	2.546
6	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,45
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	31,2
8	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	109,5
9	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	94,7
10	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	KPH (LOD=0,03)
11	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	27.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03594/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.NT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (lấy tại cửa xả số 3)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				24.1442.NT2	Cmax Cột B, Kq = 0,9 và Kf = 1,0
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,9	5,5 ÷ 9
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	19	150
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6	45
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	16	135
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(b)	mg/L	QTN.01/LAET	986	-
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	8	90
7	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	KPH (LOD=0,03)	1,8
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&C:2017	KPH (LOD=0,5)	9
9	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	18,2	36
10	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,98	5,4
11	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	9
12	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	20	5.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cmax: Cột B, Kq = 0,9 và Kf = 1,0;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03595/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.NT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải
(lấy tại cửa xả số 3)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cmax Cột B, Kq = 0,9 và Kf = 1,0
1	Photphat (PO_4^{3-}) (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,29	-
2	Sunfua (S^{2-}) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (LOD=0,04)	0,45
3	Nitrat (NO_3^- tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500- NO_3^- .E:2017	16,4	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cmax: Cột B, Kq = 0,9 và Kf = 1,0;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03596/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.NT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải
(lấy tại cửa xả số 3)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				24.1442.NT2	Cmax Cột B, Kq = 0,9 và Kf = 1,0
1	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,09
2	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,0002)	0,09
3	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (LOD=0,001)	0,009
4	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,002)	0,45

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cmax: Cột B, Kq = 0,9 và Kf = 1,0;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024



TS. Nguyễn Như Hiến



Số PKQ: 03598/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.KK1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : K1: KDC bên hông nhà máy

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				24.1442.KK1	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	32,8	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	150	300 ⁽¹⁾
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	41	200 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	32	350 ⁽¹⁾
5	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	6.171	30.000 ⁽¹⁾
6	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
7	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾
8	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	61,5	70 ⁽²⁾
9	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	39,4	70 ⁽³⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng; - *phần*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024

Phụ trách PTN

[Signature]

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03597/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.KK2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : K2: Sân thể dục thể thao tiếp giáp HTXLNT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				24.1442.KK2	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,4	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	149	300 ⁽¹⁾
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	44	200 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	38	350 ⁽¹⁾
5	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.213	30.000 ⁽¹⁾
6	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
7	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	11,4	42 ⁽¹⁾
8	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	59,3	70 ⁽²⁾
9	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	39,6	70 ⁽³⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 03599/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.KK3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : K3: KDC đường Bà Triệu cổng ra đường Nguyễn Kim

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				24.1442.KK3	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	34,1	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	194	300 ⁽¹⁾
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	72	200 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	51	350 ⁽¹⁾
5	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.230	30.000 ⁽¹⁾
6	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
7	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾
8	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	67,9	70 ⁽²⁾
9	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	45,3	70 ⁽³⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024



TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 03600/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.KK4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : K4: Sân Malt đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				24.1442.KK4	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	32,9	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	170	300 ⁽¹⁾
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	43	200 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	33	350 ⁽¹⁾
5	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.202	30.000 ⁽¹⁾
6	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
7	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾
8	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	64,7	70 ⁽²⁾
9	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	39,2	70 ⁽³⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03601/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.KK5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : K5: Cổng A đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				24.1442.KK5	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	32,8	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	168	300 ⁽¹⁾
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	69	200 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	43	350 ⁽¹⁾
5	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.199	30.000 ⁽¹⁾
6	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
7	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾
8	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	65,8	70 ⁽²⁾
9	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	38,7	70 ⁽³⁾

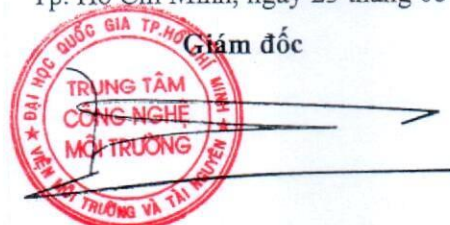
Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024



TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 03602/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.KK6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : K6: Cổng B đường Nguyễn Chí Thanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				24.1442.KK6	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	32,9	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	164	300 ⁽¹⁾
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	47	200 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	34	350 ⁽¹⁾
5	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	6.173	30.000 ⁽¹⁾
6	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
7	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾
8	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	64,7	70 ⁽²⁾
9	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	38,8	70 ⁽³⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024



TS. Nguyễn Như Hiện



Số PKQ: 03603/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.KK7
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : K7: Trong khu vực HTXLNT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				24.1442.KK7	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	32,9	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	145	300 ⁽¹⁾
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	79	200 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	44	350 ⁽¹⁾
5	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	8.230	30.000 ⁽¹⁾
6	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
7	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	15,4	42 ⁽¹⁾
8	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	62,4	70 ⁽²⁾
9	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	42,8	70 ⁽³⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03604/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.KK8
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : K8: Gần ống xử lý mùi hôi của HTXLNT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				24.1442.KK8	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,1	-
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	153	300 ⁽¹⁾
3	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	70	200 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	46	350 ⁽¹⁾
5	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.206	30.000 ⁽¹⁾
6	NH ₃ ^(b)	µg/Nm ³	MASA 401	KPH (LOD=30)	200 ⁽¹⁾
7	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	22,7	42 ⁽¹⁾
8	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	60,5	70 ⁽²⁾
9	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	43,6	70 ⁽³⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- ⁽³⁾QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03605/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.KK9
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : K9: Nhiệt độ ngoài trời tại thời điểm đo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				24.1442.KK9	Giới hạn
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,1	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024



Giám đốc

TS. Nguyễn Như Hiên



Số PKQ: 03606/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : Khí thải trong ống khói lò hơi (Lò Bosch)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				24.1442.KT1	Cmax, Kp=0,9 và Kv=0,6
1	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	5,2	108
2	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	5,24	270
3	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	30,1	459
4	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	1,14	540
5	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA Method 2	15.566	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cmax: Kp=0,9 và Kv=0,6
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024



Giám đốc

TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 03608/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1442.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN NGUYỄN CHÍ THANH Ngày lấy mẫu : 08/05/2024
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : Tại ống thoát khí thải Biogas của HTXLNT
(Nhà máy sản xuất bình thường chuyển chai + chuyển lon)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				24.1442.KT2
1	O ₂ ^(b)	%	QTKT.01/LAET	0,68
2	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	173,7
3	CO ₂ ^(b)	%	QTKT.02/LAET	11,51
4	Metan (CH ₄) ^(c)	%	MASA 101	85,21

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (c)- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024



TS. Nguyễn Như Hiên